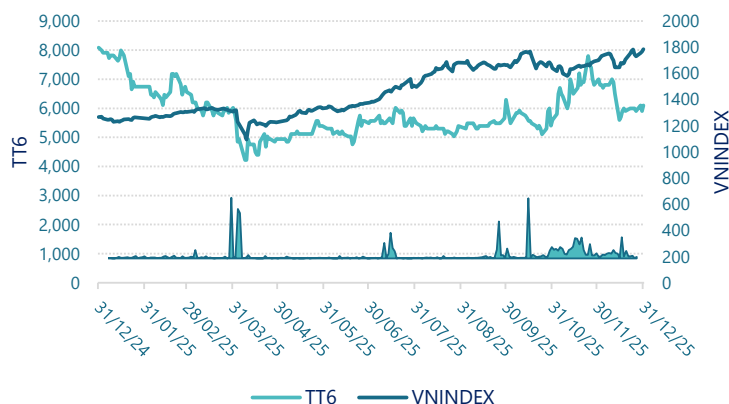


CTCP Tập đoàn Tiến Thịnh (UPCOM: TT6)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,085
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,222
SL cổ phiếu LH	22,805,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,355
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
P/E	7.9
EPS	774

DT thuần

Q4/25

65.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -13.2%

YoY: ▼93.2| -58.6%

LN sau thuế

Q4/25

2.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.21| -72.7%

YoY: ▼7.60| -76.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.6%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

2025

293

tỷ VNĐ

YoY: ▼58.0| -16.6%

LN sau thuế

2025

17.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 20.1%

ROE

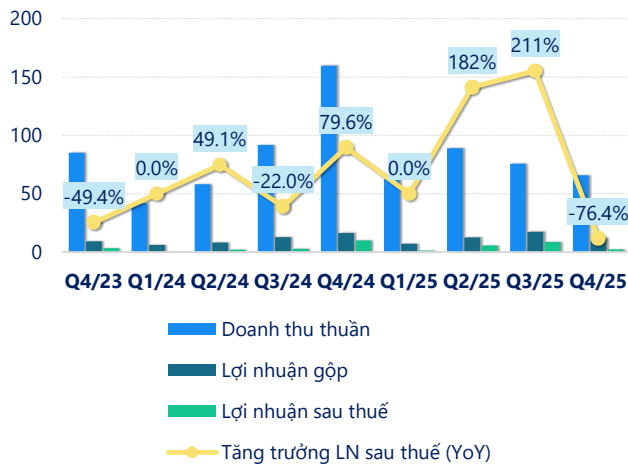
2025

7.3%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

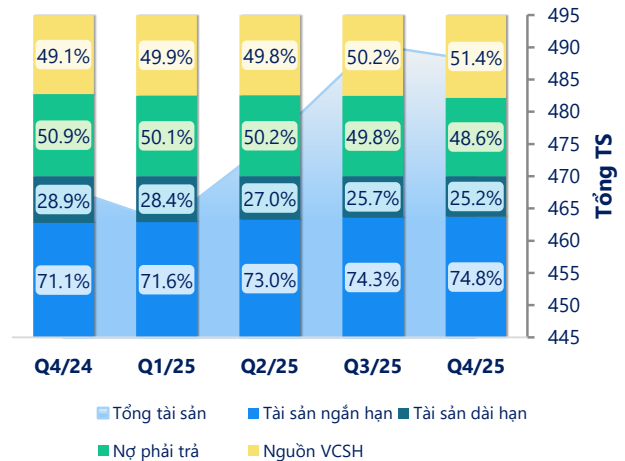
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

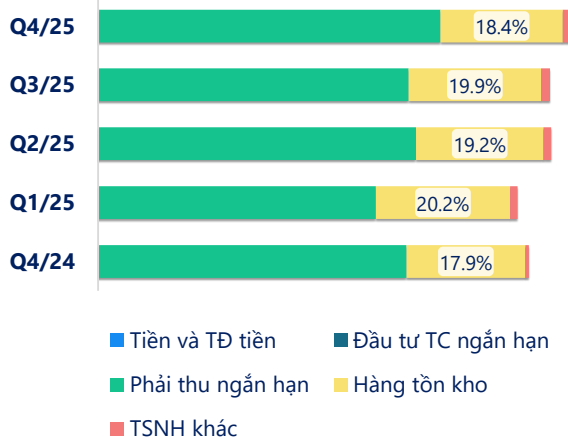
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



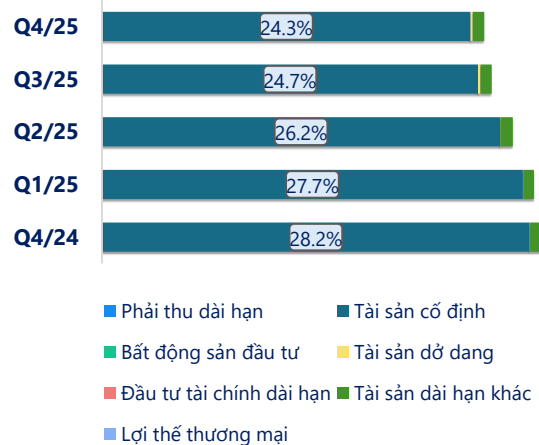
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

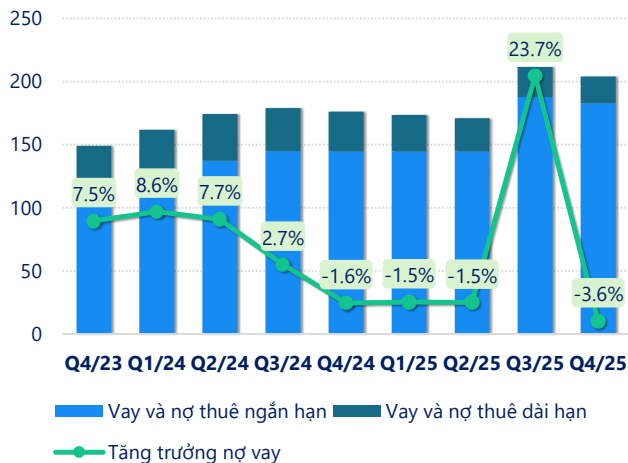
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

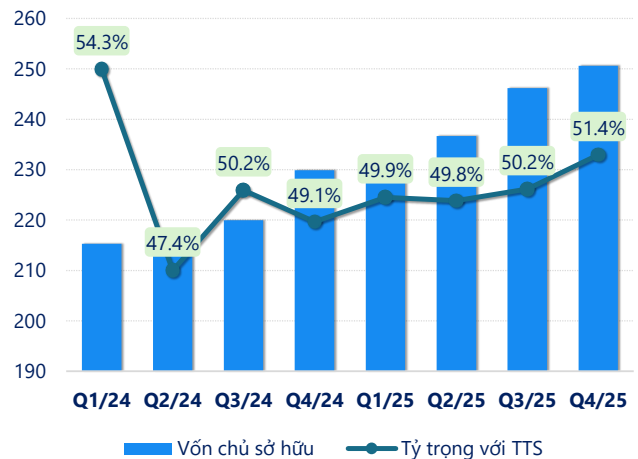
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

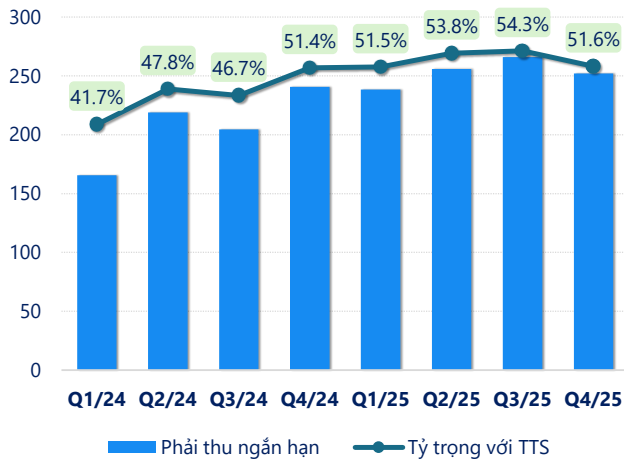
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


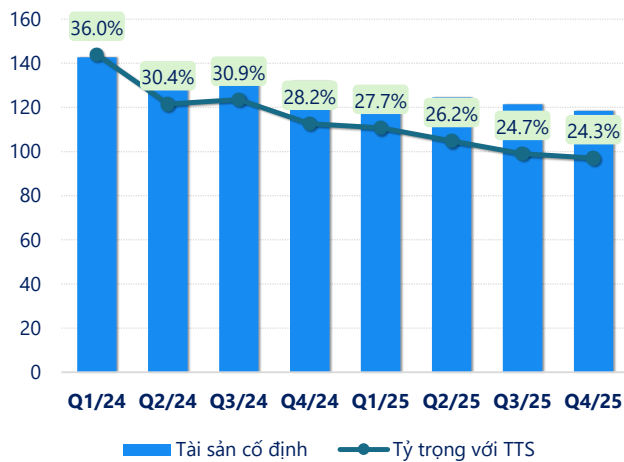
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

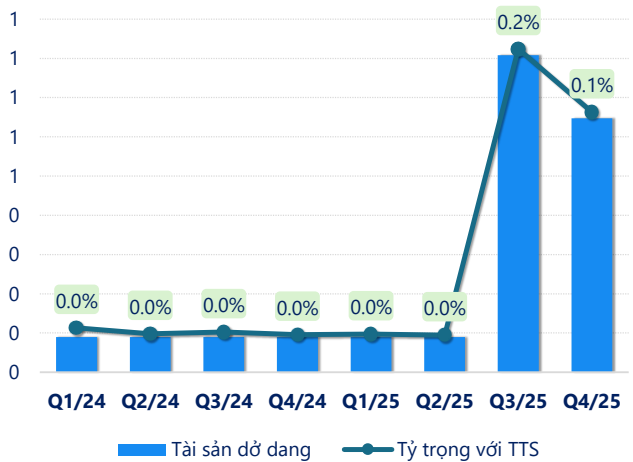

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

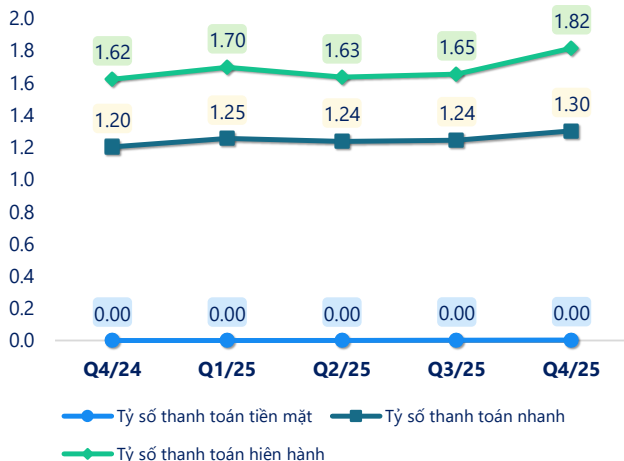
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

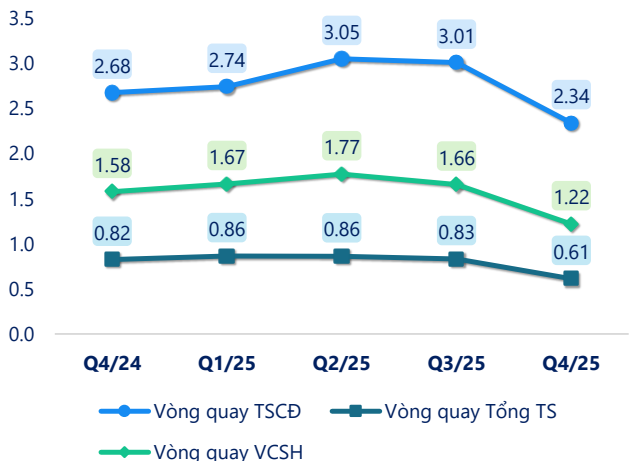
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	468	463	475	490	488
Tài sản ngắn hạn	333	331	347	365	365
Tiền và tương đương tiền	0.08	0.07	0.06	0.20	0.56
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	0.11	0.11	0.12
Phải thu ngắn hạn	241	238	256	266	252
Hàng tồn kho	86.2	86.4	84.4	90.2	103
Tài sản ngắn hạn khác	5.98	6.21	6.21	8.02	9.20
Tài sản dài hạn	135	132	128	126	123
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0.04
Tài sản cố định	132	128	125	121	118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0.09	0.81	0.65
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.41	3.32	3.85	3.65	3.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	238	232	239	244	237
Nợ ngắn hạn	205	195	212	220	201
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	145	145	188	183
Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	11.2	9.34	13.0	12.3
Nợ dài hạn	33.3	36.6	26.4	23.7	36.2
Vay và nợ thuê dài hạn	31.7	29.0	26.4	23.7	21.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	230	231	237	246	251
Vốn chủ sở hữu	230	231	237	246	251
Vốn điều lệ	205	205	205	205	228
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)